

Số: /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2021

**DỰ THẢO 1
12.9.2021**

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang. Cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH

Căn cứ vào các Luật: Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NSNN.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022.

Căn cứ Quyết định số /2021/QĐ-TTg ngày tháng năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022.

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 được thực hiện theo Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh ban hành Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 của các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang.

Trong quá trình thực hiện, các căn cứ, tiêu chí định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2017 được áp dụng cho năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017 – 2021 bên cạnh những kết quả tích cực, cũng đã bộc lộ những điểm không còn phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn 2022 – 2025.

Thực hiện chủ trương cơ cấu lại thu – chi ngân sách nhà nước (NSNN) theo Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ; sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn

vị sự nghiệp công lập, sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, thực hiện đề án cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW cần thiết có những điều chỉnh trong việc phân bổ nguồn lực NSNN, trong đó có chi thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn (gọi chung là địa phương).

Theo quy định tại Điểm e, Khoản 9, Điều 30 “HĐND cấp tỉnh quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương” và Điểm a, Khoản 9, Điều 31 “UBND cấp tỉnh lập và trình HĐND cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại khoản 9 Điều 30” của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015. Theo đó, UBND tỉnh phải lập và trình HĐND tỉnh quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương để thay thế cho Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND hết hiệu lực, làm căn cứ xây dựng dự toán NSNN giai đoạn ổn định ngân sách mới, bắt đầu từ năm 2022.

Từ những nội dung trên, việc ban hành quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Phân bổ nguồn lực chi thường xuyên, đảm bảo nguồn kinh phí cần thiết để các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và địa phương thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các chế độ an sinh xã hội theo lĩnh vực, địa bàn theo phân cấp hiện hành với yêu cầu sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Xây dựng định mức phân bổ dự toán NSNN năm 2022 phù hợp khả năng cân đối NSNN năm 2022 và giai đoạn 2022- 2025.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả NSNN, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước.

- Làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và địa phương xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương, đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Đảm bảo phù hợp về thẩm quyền theo khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 và điểm d, khoản 9 Điều 30 của Luật NSNN; theo đúng trình tự thủ tục ban hành văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN phải rõ ràng, đơn giản, đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch, dễ thực hiện và kiểm tra.

- Phù hợp yêu cầu thực hiện cơ cấu lại chi NSNN gắn với nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công và cải cách tiền lương

theo Nghị quyết số 18-NQ/CP; 19-NQ/CP; 27-NQ/CP của Ban chấp hành Trung ương (khóa XII); khuyến khích tiết kiệm chi thường xuyên để tăng chi đầu tư.

- Tăng quyền hạn, tính chủ động, gắn liền với yêu cầu trách nhiệm trong quản lý NSNN của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tập trung khắc phục những hạn chế của định mức phân bổ theo Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; UBND tỉnh đã lập đề nghị xây dựng Nghị quyết và được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 503/HĐND-CTHĐND ngày 13/9/2021.

Căn cứ ý kiến chấp thuận của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đã gửi các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến nhân dân.

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại báo cáo số /BC-STP ngày / /2021; được UBND tỉnh thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng năm 2021; được Ban Kinh tế - Ngân sách thẩm tra tại báo cáo số /BC-HĐND ngày tháng năm 2021.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 02 Điều:

- Điều 1: Ban hành kèm theo Nghị quyết Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 của các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang.

- Điều 2: Tổ chức thực hiện.

2. Bố cục của dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017 bao gồm 4 Chương, 24 điều. Cụ thể:

- Chương I: Quy định chung gồm 3 điều (từ điều 1 đến điều 3);
- Chương II: Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN cho các sở, ban, ngành, các đơn vị dự toán cấp tỉnh gồm 4 điều (từ điều 4 đến điều 7);
- Chương III: Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN áp dụng chung cho cấp tỉnh và cấp huyện gồm 4 điều (từ điều 8 đến điều 11);
- Chương IV: Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN cho cấp huyện, cấp xã gồm 13 điều (từ điều 12 đến điều 24)

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 của các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang

3.1 Thực hiện tiền lương cơ sở: 1.490.000 đồng/tháng và các chế độ chính sách do Trung ương ban hành đến thời điểm Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết

định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 và tinh ban hành đến thời điểm HĐND ban hành Nghị quyết này (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025).

Lý do: Thực hiện theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022.

3.2. Nâng định mức phân bổ theo tiêu chí dân số tăng khoảng 23% so với Nghị quyết số 32 đối với một số các lĩnh vực: sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, an ninh, đảm bảo xã hội của cấp huyện, thành phố, cấp xã, phường, thị trấn và các lĩnh vực phân bổ theo số biên chế, theo giường bệnh, chi hoạt động thường xuyên trạm y tế xã,...

Lý do: Từ năm 2017 đến nay Nhà nước đã ban hành nhiều chế độ tiền lương, phụ cấp. Giai đoạn 2017 – 2021, lương cơ bản tăng từ 1,21 triệu đồng/tháng lên 1,49 triệu đồng/tháng (tăng 23%), chỉ số tăng giá tiêu dùng trong giai đoạn là 18,3%. Do vậy, căn cứ khả năng ngân sách tỉnh và thực hiện Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022, trong đó quy định nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phân đầu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại NSNN. Do vậy, dự kiến nâng định mức phân bổ các lĩnh vực lên 1,23 lần so với Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND.

3.3. Sửa đổi, bổ sung tiêu chí của từng lĩnh vực cho phù hợp với tình hình thực tiễn, ưu tiên nguồn lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các xã vùng đặc biệt khó khăn, vùng khó khăn. Trong đó:

- Sửa đổi tiêu chí dân số thành 4 vùng: Vùng đặc biệt khó khăn; vùng khó khăn; vùng đô thị và vùng còn lại.

- Sửa đổi tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện: Vùng đồng bào dân tộc thiểu số; vùng miền núi và vùng khác còn lại.

Lý do: Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội, Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 – 2025, Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xác xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025, Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị.

- Chi sự nghiệp giáo dục: Sửa đổi quy định tỷ lệ chi khác (không bao gồm tiền lương và các khoản chi con người) đối với các trường mầm non, THCS, THPT

thuộc vùng đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn: tỷ lệ chi khác tối thiểu 20% (chưa kể nguồn thu học phí).

Lý do: Đảm bảo ưu tiên đối với các trường thuộc vùng đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn để chi cho phát triển hoạt động giáo dục.

3.4. Phân bổ định mức sự nghiệp đào tạo: Quy định định mức áp dụng tương đương với đơn vị sự nghiệp công lập.

Lý do: Khắc phục bất cập của định mức giai đoạn 2017 - 2021 trong phân bổ theo tiêu chí học sinh khi không tuyển đủ học sinh đồng thời đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3.5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

- Chi quy định định mức theo giường bệnh đối với Bệnh viện Phổi; Bệnh viện Tâm thần. Đối với các cơ sở y tế còn lại, thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời không quy định định mức nhân viên y tế thôn, bản, tổ dân phố, chế độ thù lao đối với cộng tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố.

Lý do: Đến năm 2021, ngành y tế có 15 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên; 04 đơn vị đảm bảo một phần từ 30 đến 90%; 01 đơn vị đảm bảo 10% chi thường xuyên. Trên cơ sở đó, quy định định mức phù hợp với quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Mặt khác, nhân viên y tế thôn, bản, tổ dân phố; chế độ thù lao đối với cộng tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo các văn bản được thay thế ở các văn bản quy định riêng (nhân viên y tế tổ dân phố, chế độ thù lao cộng tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND tỉnh).

- NSNN ưu tiên đảm bảo nguồn thực hiện công tác y tế dự phòng (phân bổ tối thiểu 30% ngân sách y tế trong định mức phân bổ theo tiêu chí dân số của Trung ương bố trí cho địa phương để thực hiện nhiệm vụ y tế dự phòng).

Lý do: Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 quy định “căn cứ khả năng ngân sách địa phương, HĐND, UBND cấp tỉnh quyết định phân bổ cho y tế dự phòng đạt tối thiểu 30% ngân sách y tế”.

3.6. Phân bổ định mức chi hoạt động thường xuyên cấp xã và hoạt động thường xuyên của các hội, đoàn thể cấp xã theo tiêu chí đơn vị vị hành chính xã loại I, loại II, loại III.

Lý do: Khắc phục bất cập của định mức giai đoạn 2017 – 2021 trong phân bổ theo tiêu chí vùng để đảm bảo công bằng giữa các xã cùng loại đơn vị hành chính.

3.7. Định mức phân bổ chi quốc phòng; chi sự nghiệp kinh tế; chi sự nghiệp môi trường cấp huyện, xã: Phân bổ theo tiêu chí dân số

Lý do: Đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch, dễ tính toán giữa các địa phương.

1.8. Bổ sung định mức phân bổ thêm: Đối với các huyện có dân số thấp, được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số như sau: các địa phương có dân số dưới 100 nghìn dân được phân bổ thêm 5%; các địa phương có dân số từ 100 nghìn dân đến dưới 150 nghìn dân được phân bổ thêm 3%.

Lý do: Đối với các địa phương có dân số thấp, vị trí địa lý khó khăn, nguồn thu hạn chế, định mức phân bổ chi ngân sách của từng lĩnh vực mặc dù đã có hệ số cao hơn các vùng khác, nhưng các địa phương này vẫn còn có nhiều khó khăn về nguồn ngân sách để đảm bảo các nhiệm vụ chi theo phân cấp quản lý nên cần có hệ số ưu tiên đối với các địa phương này nhằm có nguồn lực để duy trì và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của vùng cũng như của cả tỉnh.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN: Không

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang. UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo Tờ trình này: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, (3) Báo cáo thẩm định của Ban KTNS-HĐND, (4) Tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, (5) BC đánh giá Nghị quyết số 32/NQ-HĐND).

Nơi nhận:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu dự kỳ họp, HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP ĐDBQH tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TKCT, TPKTTH, TH;
- + Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thế Tuấn

Số: /2021/NQ- HĐND

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2021

DỰ THẢO 1
12.9.2021

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
NSNN năm 2022 của các cấp chính quyền địa phương
tỉnh Bắc Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHOÁ XIX- KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số /2021/QĐ-TTg ngày tháng năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2021;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 của các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khoá XIX kỳ họp thứ 3 thông qua ngày tháng năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Vụ pháp luật: Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các Tổ chức chính trị xã hội - Nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Cổng thông tin Đại biểu dân cử Bắc Giang;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH**Lê Thị Thu Hồng**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 của các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang

*(Kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ - HĐND ngày tháng năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước (NSNN) áp dụng cho năm ngân sách 2022, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ năm 2022 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (Luật NSNN).

2. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, thực hiện theo quy định của Luật NSNN và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, ban, ngành, các cơ quan Đảng, đoàn thể, các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện), các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã);

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên NSNN.

Điều 3. Nguyên tắc, căn cứ và tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN

1. Nguyên tắc phân bổ:

a) Ưu tiên bố trí kinh phí cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ, môi trường, y tế và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

b) Phù hợp với khả năng cân đối NSNN năm 2022, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2022 – 2024, kế hoạch tài chính 05 năm 2021 - 2025; thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN, phấn đấu giảm dần tỷ lệ chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại thu – chi NSNN trên cơ sở sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả NSNN. Nâng cao

hiệu quả hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thành phố.

c) Phù hợp với đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

d) Tiêu chí của định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch, thúc đẩy cải cách hành chính.

đ) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương ban hành đến thời điểm Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 và tỉnh ban hành đến thời điểm HĐND ban hành Nghị quyết này (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025). Đảm bảo chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ và mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng.

e) Định mức chi quản lý hành chính thực hiện nguyên tắc đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức với yêu cầu triệt để tiết kiệm, giảm tối đa các khoản chi hội nghị, hội thảo.

2. Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước; ngân sách tỉnh hỗ trợ đối với các địa phương sau khi đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương theo quy định mà chưa cân đối đủ nguồn lực để thực hiện. Trường hợp địa phương bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm trọng, địa phương phải chủ động sử dụng dự toán ngân sách địa phương, bao gồm cả dự phòng và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định để khắc phục; trường hợp vượt quá khả năng cân đối ngân sách địa phương, ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ cho ngân sách địa phương.

3. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với các huyện, thành phố tuân thủ thêm một số nguyên tắc sau:

a) Tiêu chí dân số chia theo 4 vùng; kết hợp các tiêu chí bổ sung phù hợp với thực tế địa phương. Trong đó, nguyên tắc phân vùng dân số như sau:

- Vùng đặc biệt khó khăn, gồm:

+ Toàn bộ dân số ở các xã, thị trấn, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (xã, thị trấn khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn thuộc khu vực I, II).

+ Đơn vị hành chính xã, thị trấn thuộc khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, đơn vị thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được xác định theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Vùng khó khăn, gồm: Dân số ở các xã, thị trấn thuộc khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khó khăn (không kể dân số các thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I, II) theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Vùng đô thị: Bao gồm dân số các đơn vị hành chính phường, thị trấn còn lại (không kể dân số thị trấn thuộc vùng đặc biệt khó khăn, vùng khó khăn).

- Vùng khác còn lại: Bao gồm dân số các đơn vị hành chính xã thuộc khu vực còn lại.

b) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện, xã

- Vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế.

- Vùng núi: Huyện Tân Yên, Yên Dũng, Lạng Giang.

- Vùng còn lại: Thành phố Bắc Giang, huyện Việt Yên, Hiệp Hòa.

- Xã hành chính loại I, II, III.

Chương II

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP TỈNH

Điều 4. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể

1. Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế

Quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm lao động hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) với mức lương cơ sở theo quy định hiện hành.

2. Chi hoạt động thường xuyên

Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
a)	Quản lý hành chính nhà nước (Sở, ngành cấp tỉnh)	
-	Trên 50 biên chế	31
-	Từ 31 đến 50 biên chế	33
-	Từ 11 đến 30 biên chế	36
-	Dưới 11 biên chế	38
b)	Các đơn vị trực thuộc	

-	Trên 50 biên chế	23
-	Từ 31 đến 50 biên chế	26
-	Từ 11 đến 30 biên chế	28
-	Dưới 11 biên chế	31
c)	Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban Đảng (không kể hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP; Trường Chính trị, Báo Bắc Giang)	Bằng 1,5 lần quản lý hành chính nhà nước
d)	Hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP	20

3. Định mức phân bổ theo quy định tại Khoản 2 Điều này đã bao gồm:

a) Kinh phí hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, sơ kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện, nước, xăng dầu,...

b) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra; chi cho công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hoạt động tiếp dân, một cửa, xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO; kinh phí hoạt động của đảng, đoàn thể.

c) Kinh phí sửa chữa thường xuyên trụ sở, tài sản; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

4. Định mức phân bổ theo quy định tại Khoản 2 Điều này không bao gồm:

a) Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương;

b) Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung của các cơ quan bao gồm: kinh phí thuê trụ sở làm việc; chi tổ chức đại hội theo nhiệm kỳ; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo tỉnh, Ban quản lý, tổ công tác liên ngành, các hội đồng được thành lập theo quyết định của UBND tỉnh; trang phục ngành; kinh phí trích theo số thu nộp NSNN (thanh tra); chi mua ô tô; chi thuê trụ sở; sửa chữa lớn trụ sở; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động chung theo quy định. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn đặc thù của từng ngành, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, trên cơ sở thuyết minh cơ sở tính toán và khả năng cân đối ngân sách địa phương hàng năm, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định trong phương án phân bổ hàng năm.

5. Đối với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND, Văn phòng UBND tỉnh ngoài định mức phân bổ nêu trên có tính toán bổ sung thêm các nhiệm vụ chi đặc thù cụ thể của từng đơn vị.

6. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị tinh giản biên chế, tiết kiệm chi tiêu để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và tăng chi cho các nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, đơn vị.

Điều 5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ

Mức phân bổ tối thiểu bằng mức Trung ương giao cho địa phương hàng năm.

Điều 6. Định mức chi sự nghiệp hoạt động môi trường

Căn cứ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường trung ương phân bổ và khả năng ngân sách, đảm bảo mức chi hoạt động môi trường cấp tỉnh quản lý.

Điều 7. Định mức phân bổ sự nghiệp an ninh - quốc phòng

Xác định theo các nội dung, công việc thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định và khả năng cân đối của ngân sách để bố trí mức chi cụ thể.

Chương III

**ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ÁP DỤNG CHUNG CHO CẤP TỈNH VÀ CẤP HUYỆN**

Điều 8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo

1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

Định mức được phân bổ theo tỷ lệ giữa tổng quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương và chi khác để đảm bảo các hoạt động thường xuyên. Cụ thể:

a) Các khoản chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất tiền lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) theo lương cơ sở 1.490.000 đồng.

b) Các khoản chi khác (ngoài tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản có tính chất lương) tính theo tỷ lệ % chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất tiền lương để đảm bảo chi cho công tác giảng dạy và học tập, như sau:

- Đối với cấp tiểu học và các trường mầm non, trung học cơ sở, các trường THPT thuộc vùng đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn: tỷ lệ chi tiền lương ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ, thâm niên vượt khung, thâm niên nghề giáo, phụ cấp ưu đãi nghề và các khoản có tính chất lương tối đa 80% và chi cho hoạt động giảng dạy, học tập tối thiểu 20% (chưa kể nguồn thu học phí).

- Đối với các cấp học và các trường còn lại: tỷ lệ chi tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, thâm niên vượt khung, thâm niên nghề giáo, phụ cấp ưu đãi nghề và các khoản có tính chất lương tối đa 82% và chi cho hoạt động giảng dạy, học tập tối thiểu 18% (chưa kể nguồn thu học phí).

- Tỷ lệ này chỉ áp dụng đối với năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thành phố; đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, HĐND, UBND các cấp huyện, thành phố căn cứ khả năng ngân sách và điều kiện thực tế của từng địa phương thực hiện ưu tiên bố trí ngân sách cấp mình cho hoạt động giảng dạy và học tập.

- Định mức trên đã bao gồm: tính đủ cho các cấp giáo dục; chính sách ưu tiên đối với lĩnh vực giáo dục đã ban hành; kinh phí mua sắm trang thiết bị của giáo viên để phục vụ dạy và học. Kinh phí hoạt động chi chung của ngành: cấp tỉnh

phân bổ chi chung sự nghiệp giáo dục - đào tạo theo tỷ lệ tối đa 5% và cấp huyện, thành phố theo tỷ lệ tối đa 3% trên tổng số chi khác sự nghiệp giáo dục - đào tạo năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách của cấp mình.

- Định mức trên chưa bao gồm: Nguồn thu sự nghiệp, thu học phí, kinh phí cấp bù học phí được miễn giảm của các đối tượng.

c) Đối với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên được áp dụng định mức chi tương đương đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng năm 2021, số bổ sung của ngân sách trung ương theo chế độ quy định gồm: chính sách phát triển giáo dục mầm non; chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nòi trú; hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

a) Đối với Trường Chính trị tỉnh

- Đối với phần chi hoạt động thường xuyên: áp dụng định mức chi theo biên chế tương đương với đơn vị quản lý hành chính nhà nước cấp.

- Đối với phần chi mở các lớp đào tạo: Phân bổ theo chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo trên cơ sở các chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi tiêu ngân sách hiện hành.

- Đối với các lớp đào tạo liên kết: Tự đảm bảo kinh phí. NSNN không hỗ trợ.

b) Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thành phố được áp dụng định mức chi theo biên chế tương đương với đơn vị quản lý hành chính nhà nước cấp huyện.

- Khoán kinh phí hoạt động đào tạo bồi dưỡng của Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện:

+ Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 885 triệu đồng/ trung tâm/năm;

+ Vùng còn lại: 830 triệu đồng/trung tâm/năm.

c) Đối với các đơn vị còn lại, định mức được áp dụng tương đương với đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh.

d) Phân bổ các tiêu chí bổ sung bảo đảm các chế độ, chính sách: hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

Đối với các cơ sở y tế khám chữa bệnh, thực hiện tăng cường tự chủ và được thanh toán kinh phí khám, chữa bệnh qua bảo hiểm y tế. Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. NSNN ưu tiên đảm bảo nguồn thực hiện công tác y tế dự phòng, cụ thể như sau:

1. Công tác khám, chữa bệnh

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Ngân sách nhà nước không đảm bảo.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên

Đơn vị: Triệu đồng/ giường bệnh/năm.

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Bệnh viện phổi	75
2	Bệnh viện tâm thần	81

Từ định mức phân bổ trên, căn cứ kết quả nguồn thu sự nghiệp của năm trước và dự toán thu của năm kế hoạch, ngân sách tỉnh chỉ đảm bảo phần kinh phí tương ứng tỷ lệ % chưa tự chủ được đối với từng cơ sở khám chữa bệnh.

Định mức giường bệnh nêu trên sẽ giảm theo lộ trình tăng giá dịch vụ khám chữa bệnh phù hợp với quy định của Trung ương và của UBND tỉnh (ngân sách tỉnh sẽ không cấp trực tiếp cho các bệnh viện, trừ trường hợp nguồn thu dịch vụ không cân đối đủ sẽ được ngân sách đảm bảo theo các đơn vị công lập).

2. Định mức phân bổ theo biên chế (đối với đơn vị thuộc hệ phòng bệnh và đơn vị sự nghiệp y tế khác): Định mức chi được áp dụng tương đương với đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh.

3. Trạm y tế xã:

Phân bổ theo quỹ tiền lương và các khoản có tính chất lương được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngoài ra mỗi trạm y tế xã được hưởng định mức chi thường xuyên 50 triệu đồng/xã /năm.

4. Nhân viên dân số xã: Căn cứ vào biên chế được cấp có thẩm quyền giao tính các khoản chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ).

5. Ưu tiên phân bổ tối thiểu 30% ngân sách y tế trong định mức phân bổ theo tiêu chí dân số của Trung ương bố trí cho địa phương để thực hiện nhiệm vụ y tế dự phòng.

6. Kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và theo quy định phân cấp quản lý ngân sách.

Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp còn lại

Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các lĩnh vực sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo NQ số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành TW khóa XII, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của

pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công. Trong đó:

1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: NSNN hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên. Đồng thời sẽ giảm dần định mức phân bổ vào các năm tiếp theo của lộ trình thực hiện cơ chế tự chủ. Khi Nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương, đơn vị sự nghiệp công tiếp tục sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ (riêng đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực y tế - dân số sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ các chi phí đã kết cấu vào giá dịch vụ), tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để bảo đảm nguồn thực hiện cải cách chính sách tiền lương. Ngân sách nhà nước chỉ cấp bổ sung sau khi đơn vị sử dụng hết Quỹ bổ sung thu nhập và nguồn trích lập cải cách tiền lương. Cụ thể:

a) Đơn vị sự nghiệp có mức đảm bảo chi hoạt động thường xuyên từ 10% đến dưới 30%: Dành 10% chênh lệch thu – chi (sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định hiện hành) để đảm bảo thực hiện các hoạt động thuộc nhiệm vụ ngân sách nhà nước. Mức hỗ trợ tối đa bằng 70% so với định mức của các đơn vị công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

b) Đơn vị sự nghiệp có mức đảm bảo chi hoạt động thường xuyên từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên: Dành 15% chênh lệch thu – chi (sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định hiện hành) để đảm bảo thực hiện các hoạt động thuộc nhiệm vụ ngân sách nhà nước. Mức hỗ trợ tối đa bằng 60% so với định mức của các đơn vị công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

c) Đơn vị sự nghiệp có mức đảm bảo chi hoạt động thường xuyên từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên: Dành 20% chênh lệch thu – chi (sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định hiện hành) để đảm bảo thực hiện các hoạt động thuộc nhiệm vụ ngân sách nhà nước. Mức hỗ trợ tối đa bằng 50% so với định mức của các đơn vị công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thường xuyên ổn định trong giai đoạn 2022 – 2025 và được điều chỉnh khi nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách theo quy định. Khi nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương, đơn vị sự nghiệp công thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để thực hiện

cải cách chính sách tiền lương. Ngân sách nhà nước chỉ cấp bổ sung sau khi đơn vị sử dụng hết nguồn trích lập cải cách tiền lương.

a) Quỹ tiền lương theo số biên chế thực tế (không vượt tổng số biên chế được giao) với mức lương cơ ở theo quy định hiện hành.

b) Chi hoạt động

Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
-	Trên 40 biên chế	23
-	Từ 21 đến 40 biên chế	25
-	Dưới 21 biên chế	27

4. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Các chế độ, chính sách mua thẻ BHYT cho các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và theo phân cấp quản lý ngân sách.

- Phân bổ kinh phí tập huấn theo chế độ quy định đối với vận động viên theo số vận động viên đạt thành tích cao cấp quốc gia và vận động viên khuyết tật được tham gia các giải do Trung ương tổ chức.

Điều 11. Định mức phân bổ đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền công nhận là hội đặc thù

Đối với các đơn vị được UBND tỉnh giao biên chế hàng năm, định mức tính theo định mức đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

Riêng đối với các hội có tính chất đặc thù được UBND tỉnh công nhận, NSNN hỗ trợ kinh phí thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội theo Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 29/12/2011 của UBND tỉnh.

Chương IV

ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Điều 12. Định mức phân bổ ngân sách chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể cấp huyện

1. Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế:

Quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm lao động hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) với mức lương cơ sở theo quy định hiện hành.

2. Chi hoạt động thường xuyên:

Đơn vị: triệu đồng/biên chế/năm

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Khối quản lý nhà nước	
a	Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	36
b	Vùng miền núi	33
c	Vùng khác còn lại	31
2	Khối Đảng, đoàn thể	
a	Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	43
b	Vùng miền núi	40
c	Vùng khác còn lại	37
3	Hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ- CP	18

3. Định mức phân bổ theo quy định tại Khoản 2 Điều này đã bao gồm:

a) Kinh phí hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,...

b) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra; chi cho công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, hoạt động tiếp dân, một cửa, xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; kinh phí hoạt động của đảng, đoàn thể.

c) Kinh phí sửa chữa thường xuyên trụ sở, tài sản; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

2. Ngoài định mức trên, các huyện, thành phố được hỗ trợ thêm một khoản kinh phí để chi cho các nội dung đặc thù của cấp huyện, thành phố (bao gồm cả chi hỗ trợ hoạt động của HĐND huyện theo Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh, hoạt động của các huyện ủy, thành ủy, UBND huyện):

- Vùng đồng bào dân tộc thiểu số: 890 triệu đồng/năm;
- Vùng miền núi: 810 triệu đồng/huyện/năm;
- Vùng khác còn lại: 730 triệu đồng/huyện/năm.

Điều 13. Định mức phân bổ ngân sách cấp xã

1. Đối với cán bộ, công chức cấp xã

a) Quỹ tiền lương theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao với mức lương cơ sở theo quy định hiện hành.

b) Định mức chi hoạt động thường xuyên:

Đơn vị: triệu đồng/biên chế/năm

--	--	--

STT	Nội dung	Định mức phân bổ
-	Xã hành chính loại 1	30
-	Xã hành chính loại 2	24
-	Xã hành chính loại 3	21

Định mức trên đã bao gồm:

- Kinh phí hoạt động thường xuyên của bộ máy các cơ quan (tiền thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, văn phòng phẩm, điện, nước, xăng dầu);

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chi cho công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, giám sát đầu tư cộng đồng, chi hoạt động tiếp dân, hòa giải cơ sở, chi hoạt động công tác Đảng.

- Các khoản chi mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ; kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản.

c) Ngoài định mức trên, các xã, phường, thị trấn được hỗ trợ thêm một khoản kinh phí để chi cho các nội dung đặc thù của cấp xã (bao gồm cả chi hỗ trợ hoạt động của HĐND xã theo Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 05/7/2016 của HĐND tỉnh, hoạt động của Đảng ủy, ủy ban kiểm tra Đảng, UBND xã): 70 triệu đồng/xã/năm (trong đó, hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã, phường, thị trấn theo Thông báo kết luận số 354-TB/TU ngày 10/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy 6 triệu đồng/xã/năm).

2. Đối với cán bộ hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố: Thực hiện theo mức khoán quy định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Khoán kinh phí chi hoạt động thường xuyên của các hội, đoàn thể cấp xã (bao gồm cả hoạt động của các đoàn thể thôn, bản, tổ dân phố):

- Xã hành chính loại 1: 80 triệu đồng/xã/năm;

- Xã hành chính loại 2: 75 triệu đồng/xã/năm;

- Xã hành chính loại 3: 70 triệu đồng/xã/năm.

4. Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban thanh tra nhân dân theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Bắc Giang.

Điều 14. Định mức chi sự nghiệp văn hoá, thông tin

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Cấp hành chính Vùng	Cấp huyện	Cấp xã
	- Vùng đặc biệt khó khăn	21.300

- Vùng khó khăn	19.400	10.300
- Vùng đô thị	10.700	5.600
- Vùng còn lại	14.900	7.900

2. Định mức chi phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

Kinh phí thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/20218 của HĐND tỉnh.

Điều 15. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình:

1. Cấp huyện, thành phố

a) Các huyện vùng đồng bào dân tộc thiểu số: 1.700 triệu đồng/huyện/năm.

b) Các huyện vùng núi: 1.400 triệu đồng/huyện/năm.

c) Các huyện vùng còn lại: 1.100 triệu đồng/huyện/năm.

2. Đài truyền thanh cấp xã, phường, thị trấn

a) Xã hành chính loại 1: 87 triệu đồng/xã/năm.

b) Xã hành chính loại 2: 69 triệu đồng/xã/năm.

c) Xã hành chính loại 3: 57 triệu đồng/xã/năm.

Điều 16. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục, thể thao

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Cấp hành chính Vùng	Cấp huyện	Cấp xã
- Vùng đặc biệt khó khăn	8.400	4.020
- Vùng khó khăn	7.500	3.600
- Vùng đô thị	5.200	2.500
- Vùng còn lại	6.300	3.000

Điều 17. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội

1. Định mức tính theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Cấp hành chính Vùng	Cấp huyện	Cấp xã
- Vùng đặc biệt khó khăn	15.300	7.400
- Vùng khó khăn	14.600	6.600
- Vùng đô thị	10.600	4.600
- Vùng còn lại	12.200	5.500

Định mức trên đã bao gồm: Kinh phí trợ cấp, cứu trợ đột xuất; kinh phí hỏa táng; kinh phí chúc thọ, mừng thọ và các chính sách ưu tiên đối với lĩnh vực đảm bảo xã hội.

2. Định mức chi phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- a) Chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội.
- b) Kinh phí thực hiện chế độ điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã nghỉ việc theo Quy định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ; Quy định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng.
- c) Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội.
- d) Kinh phí thăm hỏi các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết.

Điều 18. Định mức phân bổ chi quốc phòng

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Cấp hành chính	Cấp huyện	Cấp xã
Vùng		
- Vùng đặc biệt khó khăn	14.000	7.900
- Vùng khó khăn	9.800	7.300
- Vùng đô thị	7.000	6.110
- Vùng còn lại	7.000	6.110

Định mức trên bao gồm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ quốc phòng do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật NSNN

2. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung đối với kinh phí dự bị động viên, diễn tập theo kế hoạch của tỉnh; các xã bổ sung kinh phí huấn luyện dân quân và các khoản phụ cấp của cán bộ dân quân tự vệ.

Điều 19. Định mức phân bổ chi an ninh

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Cấp hành chính	Cấp huyện	Cấp xã
Vùng		
- Vùng đặc biệt khó khăn	4.300	4.900
- Vùng khó khăn	4.300	4.900
- Vùng đô thị	4.300	4.900
- Vùng còn lại	4.100	4.700

Định mức trên bao gồm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ an ninh do ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Luật NSNN.

Điều 20. Mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Cấp hành chính	Cấp huyện	Cấp xã
Vùng		
- Vùng đặc biệt khó khăn	394.400	43.800
- Vùng khó khăn	296.000	32.900
- Vùng đô thị	183.000	18.600
- Vùng còn lại	197.200	21.900

2. Định mức phân bổ theo nhiệm vụ:

a) Hỗ trợ kinh phí sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi.

b) Hỗ trợ kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.

Điều 21. Định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Cấp hành chính	Cấp huyện	Cấp xã
Vùng		
- Vùng đặc biệt khó khăn	20.000	3.000
- Vùng khó khăn	20.000	3.000
- Vùng đô thị	200.000	5.000
- Vùng còn lại	20.000	3.000

2. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung đối với hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Điều 22. Mức phân bổ chi thường xuyên khác ngân sách cấp huyện, và ngân sách cấp xã

Phân bổ theo tỷ trọng bằng 0,5% tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo mức phân bổ (từ Điều 12 đến Điều 21 của Quy định này).

Điều 23. Phân bổ bổ sung

Đối với các huyện có dân số thấp, được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số như sau: các địa phương có dân số dưới 100 nghìn dân được phân bổ thêm 5%; các địa phương có dân số từ 100 nghìn dân đến dưới 150 nghìn dân được phân bổ thêm 3%.

Điều 24. Dự phòng ngân sách

Dự phòng ngân sách các cấp từ 2 – 4% tổng chi ngân sách.

Trên cơ sở dự toán chi cân đối ngân sách từng cấp, căn cứ tình hình thực tế, các huyện, thành phố chủ động bố trí dự phòng ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

BÁO CÁO

Đánh giá định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017; xây dựng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 của các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang

Theo quy định tại Điểm e, Khoản 9, Điều 30 và Điểm a, Khoản 9, Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 thì UBND tỉnh phải lập và trình HĐND tỉnh quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương.

Căn cứ Quyết định số /2021/QĐ-TTg ngày tháng năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Báo cáo đánh giá định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017; xây dựng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN NSNN NĂM 2017

I. Kết quả đạt được

1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN theo Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh (gọi tắt là Nghị quyết số 32) là căn cứ quan trọng, chủ yếu để xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017 (năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách); là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thành phố (gọi chung là huyện) theo quy định của Luật NSNN.

2. Phân bổ ngân sách theo Nghị quyết số 32 về cơ bản đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối NSĐP và ngân sách các huyện, thành phố; thực hiện được các chế độ chính sách của Trung ương và địa phương, đáp ứng cơ bản nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; đồng thời tạo điều kiện chủ động cho các cấp, các ngành tăng cường công tác quản lý tài chính ngân sách; phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi, sử dụng có hiệu quả ngân sách, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

3. Tăng cường tính công khai, minh bạch trong phân bổ, sử dụng NSNN; định mức đã thể hiện ưu tiên với vùng miền núi, vùng cao và các đơn vị ít chỉ tiêu biên chế.

4. Định mức cơ bản đã bao quát các lĩnh vực chi thường xuyên của NSNN với các tiêu chí dân số, biên chế và các tiêu chí bổ sung được đánh giá là cụ thể, rõ ràng, đơn giản, dễ thực hiện và dễ kiểm tra và đảm bảo hợp lý giữa các địa phương.

5. Định mức phân bổ NSNN cơ bản theo tiêu chí dân số đã góp phần thúc đẩy tinh giản biên chế, đẩy mạnh xã hội hóa, cải cách thủ tục hành chính trong xây dựng, quản lý NSNN.

II. Những khó khăn, vướng mắc

1. Đánh giá chung:

- Đối với các địa phương có dân số thấp, diện tích rộng, vị trí địa lý khó khăn, định mức phân bổ chi ngân sách của từng lĩnh vực mặc dù đã có hệ số cao hơn các vùng khác, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn về nguồn ngân sách để đảm bảo các nhiệm vụ chi theo phân cấp của Luật NSNN.

- Định mức phân bổ ngân sách còn thiếu tính bao quát, toàn diện, chưa cụ thể hóa hết các lĩnh vực chi.

2. Những khó khăn, vướng mắc của một số lĩnh vực chi:

- Chi sự nghiệp giáo dục: Định mức phân bổ đã quy định tỷ lệ chi lương, có tính chất lương/chi khác đảm bảo 82/18 hoặc 80/20 (tùy từng bậc học) cho năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách. Tuy nhiên, Nghị quyết 32 chưa quy định rõ tỷ lệ này tính cho năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách hay cả giai đoạn dẫn đến chưa thống nhất trong quá trình thực hiện. Mặt khác chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ chưa được bố trí trong chi cân đối ngân sách, ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu theo đối tượng thực tế). Đồng thời chưa có sự ưu tiên đối với các trường vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong hoạt động giảng dạy và học tập.

- Chi sự nghiệp đào tạo: Định mức chi phân bổ theo tiêu chí học sinh, tuy nhiên trong quá trình thực hiện các trường không tuyển đủ học sinh theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao cho từng hệ đào tạo nên không đảm bảo đủ kinh phí chi trả tiền lương cho giáo viên và kinh phí hoạt động giảng dạy của trường.

- Chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể: Bên cạnh kết quả đạt được, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, các huyện, thành phố phản ánh về một số khó khăn, chủ yếu về việc định mức chi thường xuyên còn thấp, chưa được điều chỉnh tăng tương ứng với tình hình thực tế.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: Định mức quy định hiện nay khó xác định cụ thể, phụ thuộc vào tổng mức chi sự nghiệp môi trường của tỉnh, chưa có yếu tố đặc thù đối với đô thị như thành phố Bắc Giang do nhu cầu xử lý môi trường lớn.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế: Định mức phân bổ được tính theo tỷ lệ % chi thường xuyên 11 lĩnh vực chi đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách nêu trên, đồng thời được bổ sung thêm một phần kinh phí đối với

đô thị. Tuy nhiên, định mức chưa đảm bảo sự công bằng giữa các địa phương (địa phương dân số lớn, chi sự nghiệp kinh tế cao và ngược lại).

- Các lĩnh vực chi văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao, đảm bảo xã hội,...: Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số vùng, nhưng điều kiện giữa các vùng và các địa phương có khác nhau nên định mức chưa đảm bảo.

- Ngoài những khó khăn, vướng mắc đối với từng lĩnh vực nêu trên, đối với các địa phương có dân số thấp, để đảm bảo mặt bằng chung với các địa phương khác, cần ưu tiên tỷ lệ tăng hơn cho các địa phương này.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

I. PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN NĂM 2022

1. Yêu cầu

1. Đảm bảo kinh phí góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng giai đoạn 2021 - 2025 của địa phương.

2. Xây dựng định mức phân bổ dự toán NSNN năm 2022 phù hợp khả năng cân đối NSNN năm 2022 và giai đoạn 2022- 2025.

3. Đảm bảo đúng các quy định của Luật NSNN năm 2015 và theo phân cấp ngân sách của địa phương.

4. Thúc đẩy thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả NSNN.

5. Tiêu chí, căn cứ xây dựng định mức phải cụ thể, rõ ràng, đơn giản, dễ tính toán và dễ kiểm tra, đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch.

6. Khắc phục hạn chế của định mức phân bổ theo Nghị quyết số 32.

2. Nguyên tắc xây dựng:

- Tăng tính công khai, minh bạch trong phân bổ ngân sách của các cấp ngân sách. Tiếp tục kế thừa những kết quả đã đạt được của định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN của các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 - 2021.

- Phù hợp với đổi mới cơ chế quản lý hoạt động, cơ chế tài chính của các cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Định mức phân bổ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập phải cơ bản phù hợp với Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, các văn bản của các Bộ, Ngành có liên quan và tình hình thực tiễn của địa phương.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục kế thừa những kết quả đã đạt được của định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017.

2. Định mức phân bổ NSDP đảm bảo các chế độ chính sách Trung ương ban hành ban hành đến thời điểm Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 và tỉnh ban hành đến thời điểm HĐND ban hành Nghị quyết này. Đảm bảo chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ và mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng.

3. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025, nâng định mức phân bổ tăng khoảng 20% so với Nghị quyết số 32.

4. Sửa đổi, bổ sung các tiêu chí phụ hoặc bỏ các tiêu chí phụ của từng lĩnh vực cho phù hợp với tình hình thực tế như đối với lĩnh vực chi giáo dục, xem xét tiêu chí bổ sung quy định tỷ lệ chi khác có tính đến đảm bảo ưu tiên chi cho phát triển hoạt động giáo dục đối với các địa phương có tỷ lệ dân số thuộc vùng đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn cao hơn mức bình quân chung của tỉnh.

5. Sửa đổi phân vùng dân số nhằm thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội, đồng thời xây dựng định mức phân bổ theo nhiệm vụ, kết hợp với phân bổ theo tiêu chí dân số đối với một số lĩnh vực chi.

UBND tỉnh xin báo cáo HĐND tỉnh./.

UBND TỈNH BẮC GIANG

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

SO SÁNH NỘI DUNG ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN NĂM 2022 VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN NĂM 2017

Nội dung	Định mức năm 2017	Dự kiến định mức năm 2022	Lý do
1. Định mức chi các lĩnh vực		Nâng định mức phân bổ tăng 23% so với Nghị quyết số 32 đối với các lĩnh vực.	Do từ năm 2017 đến nay Nhà nước đã ban hành nhiều chế độ tiền lương, phụ cấp. Giai đoạn 2017 – 2021, lương cơ bản tăng từ 1,21 triệu đồng/tháng lên 1,49 triệu đồng/tháng (tăng 23%), chỉ số tăng giá tiêu dùng trong giai đoạn là 18,3%. Do vậy, căn cứ khả năng ngân sách tỉnh và thực hiện Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022, trong đó quy định nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại NSNN, dự kiến nâng định mức phân bổ các lĩnh vực lên 1,23 lần
2. Tiêu chí:	Chia theo 3 vùng: vùng cao;	- Chia theo 4 vùng: Vùng đặc	Phân định lại vùng kinh tế trong phân bổ ngân

Nội dung	Định mức năm 2017	Dự kiến định mức năm 2022	Lý do
<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí dân số; - Tiêu chí hành chính huyện, xã 	vùng núi và vùng đô thị, trung du	biệt khó khăn; vùng khó khăn; vùng đô thị và vùng còn lại; <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí đơn vị hành chính huyện, xã: vùng đồng bào dân tộc thiểu số; vùng miền núi; vùng khác còn lại; bổ sung thêm tiêu chí loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn theo loại I, II, III. 	sách để phù hợp yêu cầu Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025; phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí phân vùng tại Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và phù hợp với tình hình thực tế địa phương.
3. Định mức phân bổ các lĩnh vực	Không quy định định mức chi đối với sự nghiệp an ninh – quốc phòng; sự nghiệp môi trường cấp tỉnh	Quy định định mức chi đối với sự nghiệp an ninh – quốc phòng; sự nghiệp môi trường cấp tỉnh	Nhằm đảm bảo quy định đầy đủ định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương cho từng lĩnh vực, đảm bảo đủ kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đã được cấp có thẩm quyền ban hành, đồng thời chú trọng ưu tiên kinh phí cho các lĩnh vực chi quan trọng
4. Định mức phân bổ sự nghiệp giáo dục	- Chưa có sự ưu tiên định mức chi hoạt động đối với các trường thuộc vùng đặc biệt khó khăn và khó khăn so với các trường vùng còn lại (các trường mầm non, trung học cơ sở, các trường THPT: quy	Quy định các trường mầm non, trung học cơ sở, các trường THPT thuộc vùng đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn: quy định chi khác đảm bảo tỷ lệ 20% (chưa kể nguồn thu học phí). <ul style="list-style-type: none"> - Chính sách miễn giảm học phí 	Các trường thuộc vùng đặc biệt khó khăn và khó khăn đảm bảo tỷ lệ chi khác 20% để đảm bảo ưu tiên cho chi phát triển hoạt động giáo dục. <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo các chính sách phát triển giáo dục được quy định trong định mức

Nội dung	Định mức năm 2017	Dự kiến định mức năm 2022	Lý do
	định chi khác đảm bảo tỷ lệ 18% (chưa kể nguồn thu học phí). - Chính sách miễn giảm học phí và chi phí học tập chưa được bố trí trong định mức	và chi phí học tập được đưa vào tiêu chí bổ sung trong định mức	
5. Định mức phân bổ sự nghiệp đào tạo	Phân bổ theo tiêu chí học sinh	Quy định định mức áp dụng tương đương với đơn vị sự nghiệp công lập	Phù hợp với Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời khắc phục bất cập trong phân bổ theo tiêu chí học sinh khi không tuyển đủ học sinh
6. Định mức phân bổ quản lý hành chính, đảng, đoàn thể cấp tỉnh	- Phân bậc quy mô biên chế theo 4 bậc: (1) trên 60 biên chế; (2) từ 41 đến 60 biên chế; (3) từ 21 đến 40 biên chế; (4) dưới 21 biên chế. - Định mức chi khối Đảng và đoàn thể cấp tỉnh (không bao gồm hợp đồng lao động NĐ số 68/2010/NĐ-CP và nhà văn	- Phân bậc quy mô biên chế theo 4 bậc: (1) trên 50 biên chế; (2) từ 31 đến 50 biên chế; (3) từ 11 đến 30 biên chế; (4) dưới 11 biên chế. - Định mức chi Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban Đảng (không bao gồm hợp đồng 161/2018/NĐ-CP): bằng 1,5 lần quản lý hành	- Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, trong đó mục tiêu tổng quát của NQ quy định “tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức”, theo đó biên chế hàng năm

Nội dung	Định mức năm 2017	Dự kiến định mức năm 2022	Lý do
	hóa thiếu nhi): bằng 1,5 lần quản lý hành chính nhà nước	chính nhà nước	<p>của tỉnh có sự điều chỉnh giảm và đến năm 2021, không có cơ quan cấp tỉnh có từ 60 biên chế trở lên; có 03 đơn vị có biên chế trên 50 biên chế trở lên; từ 31 đến 50 biên chế: 13 đơn vị; còn lại là các đơn vị có biên chế từ 30 biên chế trở xuống.</p> <p>-Tại Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022, quy định “phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước”. Định mức chi quản lý hành chính yêu cầu triệt để tiết kiệm, giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo. Trên cơ sở đó, không quy định định mức chi khối đoàn thể bằng 1,5 lần quản lý hành chính nhà nước</p>
7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế	- Quy định định mức theo giường bệnh đối với các bệnh viện từ tỉnh đến huyện; định mức trạm y tế xã, cán bộ dân số xã, nhân viên y tế thôn, bản, tổ dân phố, chế độ thù lao đối với cộng tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố.	- Chỉ quy định định mức theo giường bệnh đối với Bệnh viện lao và phổi; Bệnh viện Tâm thần. Đối với các cơ sở y tế còn lại, thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp	Đến năm 2021, ngành y tế có 15 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên; 04 đơn vị đảm bảo một phần từ 30 đến 90%; 01 đơn vị đảm bảo 10% chi thường xuyên. Trên cơ sở đó, quy định định mức phù hợp với quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Mặt khác, nhân viên y

Nội dung	Định mức năm 2017	Dự kiến định mức năm 2022	Lý do
	<p>- Không quy định định mức ưu tiên cho công tác y tế dự phòng</p>	<p>công lập. Đồng thời không quy định định nhân viên y tế thôn, bản, tổ dân phố, chế độ thù lao đối với công tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố.</p> <p>- NSNN ưu tiên đảm bảo nguồn thực hiện công tác y tế dự phòng (phân bổ tối thiểu 30% ngân sách y tế trong định mức phân bổ theo tiêu chí dân số của Trung ương bố trí cho địa phương để thực hiện nhiệm vụ y tế dự phòng).</p>	<p>tế thôn, bản, tổ dân phố; chế độ thù lao đối với công tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo các văn bản được thay thế ở các văn bản quy định riêng (nhân viên y tế tổ dân phố, chế độ thù lao công tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND tỉnh).</p> <p>- Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 quy định “căn cứ khả năng ngân sách địa phương, HĐND, UBND cấp tỉnh quyết định phân bổ cho y tế dự phòng đạt tối thiểu 30% ngân sách y tế”</p>
<p>8. Định mức phân bổ ngân sách cấp xã</p>	<p>Tiêu chí phân bổ theo vùng dân số</p>	<p>Phân bổ theo đơn vị hành chính xã loại I, loại II, loại III</p>	<p>Phù hợp với tình hình thực tế địa phương, đảm bảo công bằng giữa các xã cùng loại đơn vị hành chính</p>
<p>9. Định mức phân bổ chi quốc phòng ; chi sự nghiệp kinh tế; chi sự nghiệp môi trường cấp huyện, xã</p>	<p>Tiêu chí phân bổ theo đơn vị hành chính huyện, xã; theo tiêu chí % của các lĩnh vực chi; theo mật độ dân số, tác động môi trường của sản xuất công nghiệp, diện tích rừng tự nhiên</p>	<p>Phân bổ theo tiêu chí dân số</p>	<p>Đảm bảo công khai, minh bạch, dễ tính toán giữa các địa phương.</p>

Nội dung	Định mức năm 2017	Dự kiến định mức năm 2022	Lý do
10. Định mức phân bổ bổ sung	Không quy định	Đối với các huyện có dân số thấp, được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số như sau: các địa phương có dân số dưới 100 nghìn dân được phân bổ thêm 5%; các địa phương có dân số từ 100 nghìn dân đến dưới 150 nghìn dân được phân bổ thêm 3%.	Đối với các địa phương có dân số thấp, vị trí địa lý khó khăn, nguồn thu hạn chế, định mức phân bổ chi ngân sách của từng lĩnh vực mặc dù đã có hệ số cao hơn các vùng khác, nhưng các địa phương này vẫn còn có nhiều khó khăn về nguồn ngân sách để đảm bảo các nhiệm vụ chi theo phân cấp quản lý nên cần có hệ số ưu tiên đối với các địa phương này nhằm có nguồn lực để duy trì và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của vùng cũng như của cả tỉnh.